

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Văn hóa học

Khóa: 2022

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 767/QĐ-ĐHSP ngày 17/6/2022 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			15	10.5	3.5	1		
1	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	2	1	0		
2	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1.5	0.5	0	21231902	
3	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.5	0.5	0	21321901	
4	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.5	0.5	0	21221903	
5	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	0	21221904	
6	31221885	Tin học đại cương	2	1	0	1		
7	31621549	Pháp luật đại cương	2	1.5	0.5	0		
8	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)	(0)		
9	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	(0)		
10	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	(0)		
11	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	(0)		
12	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			139	85	52	2		
		Kiến thức Cơ sở ngành	10	7	3	0		
13	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1.5	0.5	0		
14	31721002	Mỹ học	2	1.5	0.5	0		
15	31731017	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Văn hóa	3	2	1	0	31731022	
16	31831424	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	2	1	0		
		Kiến thức Chuyên ngành	113	75	36	2		
17	31721019	Giao tiếp và tạo lập văn bản tiếng Việt	2	1.5	0.5	0		
18	31821110	Lịch sử văn minh thế giới	2	1.5	0.5	0		
19	31731420	Lịch sử văn học Việt Nam	3	2	1	0		
20	31741092	Văn hoá nghệ thuật Việt Nam	4	3	1	0	31731030	
21	31731021	Văn hóa dân gian Việt Nam	3	2	1	0	31721091	
22	31831561	Phong tục, tập quán, lễ hội Việt Nam	3	2	1	0	31731021	
23	31731022	Lí thuyết văn hóa	3	2	1	0		
24	31731025	Nhân học văn hóa	3	2	1	0		
25	31741952	Văn hóa phương Đông	4	3	1	0	31731029	
26	31741953	Văn hóa phương Tây	4	3	1	0	31741952	
27	31721093	Tiếp xúc, giao lưu văn hoá phương Đông và phương Tây	2	1.5	0.5	0	31741953	
28	31731027	Văn hóa và phát triển	3	2	1	0		
29	31831003	Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam	3	2	1	0	31831424	
30	31731029	Khu vực học	3	2	1	0	31821421	
31	31732153	Hán văn cơ sở	3	2	1	0		
32	31731030	Nghệ thuật học	3	2	1	0		
33	31831946	Văn hóa du lịch	3	2	1	0		
34	31721023	Bảo tàng học	2	1.5	0.5	0		
35	31731033	Kí hiệu học văn hóa	3	2	1	0		
36	31721165	Di tích và danh thắng Việt Nam	2	1.5	0.5	0		
37	31721653	Quản lí văn hóa đô thị	2	1.5	0.5	0	31731095	
38	31731094	Quản lí - khai thác di sản văn hoá	3	2	1	0	31731095	
39	31731035	Tổ chức sự kiện	3	2	1	0	31731039	
40	31731037	Xây dựng văn hóa cộng đồng	3	2	1	0		
41	31731095	Quản lí Nhà nước về văn hóa	3	2	1	0		
42	31722151	Hán Nôm chuyên ngành	2	1.5	0.5	0		
43	31721947	Văn hóa kinh doanh	2	1.5	0.5	0		



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
44	31731039	Truyền thông và văn hóa	3	2	1	0	31722121 31731039	
45	31721109	Kĩ năng dẫn chương trình	2	1	1	0		
46	31721849	Thực tế chuyên môn	2	0	0	2		
47	31721098	Kiến tập	2	0	2	0		
		Học phần Tự chọn	28	19	9	0		
48	31931088	Địa danh học và địa danh Việt Nam	3	2	1	0		
49	31721168	Địa chỉ văn hóa Việt Nam	2	1.5	0.5	0		
50	31731096	Các di sản văn hóa nổi tiếng thế giới	3	2	1	0		
51	31731040	Ngôn ngữ và văn hóa	3	2	1	0		
52	31621419	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2	1.5	0.5	0		
53	31731006	Nhập môn điện ảnh	3	2	1	0		
54	31731993	Xã hội học đại cương	3	2	1	0		
55	31721970	Văn học và báo chí	2	1.5	0.5	0		
56	31721097	Tiếng Anh chuyên ngành Văn hóa	2	1.5	0.5	0		
57	31621006	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	2	1	1	0		
58	31731011	Phương ngữ học tiếng Việt	3	2	1	0		
		Kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	16	3	13	0		
59	31741103	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	0	31721098	
		Học phần tự chọn bắt buộc (phải chọn 6/12 tín chỉ)	12	3	9	0		
60	31761104	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0		
61	31731041	Văn học và văn hóa	3	1.5	1.5	0		31731042
62	31731042	Văn hóa Phật giáo Việt Nam	3	1.5	1.5	0	31731041	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			154	96	56	3		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			114	74	38	3		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			16					

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

TRƯỞNG KHOA


Hồ Trần Ngọc Anh

HIỆU TRƯỞNG




PGS. TS. Lưu Trang



KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Văn hóa học

Khóa: 2022

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 367/QĐ-ĐHSP ngày 17/6/2022 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
1	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1.5	0.5	0		
	31721002	Mỹ học	2	1.5	0.5	0		
	31732153	Hán văn cơ sở	3	2	1	0		
	31831424	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	2	1	0		
	31821110	Lịch sử văn minh thế giới	2	1.5	0.5	0		
	31731022	Lí thuyết văn hóa	3	2	1	0		
	31721019	Giao tiếp và tạo lập văn bản tiếng Việt	2	1.5	0.5	0		
	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)	(0)		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	17	12.0	5.0	0		
2	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	2	1	0		
	31221885	Tin học đại cương	2	1	0	1		
	31731029	Khu vực học	3	2	1	0	31821421	
	31731017	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Văn hóa	3	2	1	0	31731022	
	31731021	Văn hóa dân gian Việt Nam	3	2	1	0	31721091	
	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	(0)		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
		Học phần Tự chọn	6	4	2	0		
	31731993	Xã hội học đại cương	3	2	1	0		
	31731006	Nhập môn điện ảnh	3	2	1	0		
	Tổng tín chỉ trong học kỳ	20	13	6	1			
3	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1.5	0.5	0	21231902	
	31621549	Pháp luật đại cương	2	1.5	0.5	0		
	31731420	Lịch sử văn học Việt Nam	3	2	1	0		
	31831003	Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam	3	2	1	0	31831424	
	31741952	Văn hóa phương Đông	4	3	1	0	31731029	
	31731030	Nghệ thuật học	3	2	1	0		
	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	(0)		
		Học phần Tự chọn	5	3.5	1.5	0		
	31621419	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	2	1.5	0.5	0		
	31931088	Địa danh học và địa danh Việt Nam	3	2	1	0		
	Tổng tín chỉ trong học kỳ	22	15.5	6.5	0			
4	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.5	0.5	0	21321901	
	31831561	Phong tục, tập quán, lễ hội Việt Nam	3	2	1	0	31731021	
	31731027	Văn hóa và phát triển	3	2	1	0		
	31741953	Văn hóa phương Tây	4	3	1	0	31741952	
	31831946	Văn hóa du lịch	3	2	1	0		
	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	(0)		
		Học phần Tự chọn	6	4	2	0		
	31731040	Ngôn ngữ và văn hóa	3	2	1	0		
	31731096	Các di sản văn hóa nổi tiếng thế giới	3	2	1	0		
	Tổng tín chỉ trong học kỳ	21	14.5	6.5	0			
5	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.5	0.5	0	21221903	
	31721023	Bảo tàng học	2	1.5	0.5	0		
	31741092	Văn hoá nghệ thuật Việt Nam	4	3	1	0	31731030	
	31731025	Nhân học văn hóa	3	2	1	0		
	31721165	Di tích và danh thắng Việt Nam	2	1.5	0.5	0		
	31721093	Tiếp xúc, giao lưu văn hoá phương Đông và phương Tây	2	1.5	0.5	0	31741953	
		Học phần Tự chọn	5	3.5	1.5	0		
	31721970	Văn học và báo chí	2	1.5	0.5	0		
	31731011	Phương ngữ học tiếng Việt	3	2	1	0		



Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	20	14.5	5.5	0		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	0		
	31731037	Xây dựng văn hóa cộng đồng	3	2	1	0		
	31731095	Quản lí Nhà nước về văn hóa	3	2	1	0		
	31721947	Văn hóa kinh doanh	2	1.5	0.5	0		
	31721109	Kĩ năng dẫn chương trình	2	1	1	0	31731039	
	31731039	Truyền thông và văn hóa	3	2	1	0	31722121	
	31721098	Kiến tập	2	0	2	0		
	31721849	Thực tế chuyên môn	2	0	0	2		
		Học phần Tự chọn	2	1.5	0.5	0		
	31721097	Tiếng Anh chuyên ngành Văn hóa	2	1.5	0.5	0		
	31721168	Địa chỉ văn hóa Việt Nam	2	1.5	0.5	2		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	21	11.5	7.5	2		
7	31731094	Quản lí - khai thác di sản văn hoá	3	2	1	0	31731095	
	31731033	Kí hiệu học văn hóa	3	2	1	0		
	31721653	Quản lí văn hóa đô thị	2	1.5	0.5	0	31731095	
	31722151	Hán Nôm chuyên ngành	2	1.5	0.5	0		
	31731035	Tổ chức sự kiện	3	2	1	0	31731039	
		Học phần Tự chọn	8	4	4.0	0		
	31731041	Văn học và văn hóa	3	1.5	1.5	0	31731042	
	31731042	Văn hóa Phật giáo Việt Nam	3	1.5	1.5	0	31731041	
	31621006	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	2	1	1.0	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	21	13.0	8	0		
8	31741103	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	0	31721098	
		Học phần Tự chọn	6	0	6	0		
	31761104	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0		
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	10	0	10	0		

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

TRƯỞNG KHOA


Trương Ngọc Danh



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lưu Trang